

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **257/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-11-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu.
2. Bà Phạm Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị C, sinh năm: 1991.

ĐKKHKT: Thôn 5 (nay là thôn 3), xã T, huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 4, xã T, huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình D, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn 5 (nay là thôn 3), xã T, huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị C và anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, bản tự khai ngày 28/4/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đình D kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 tháng, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Đức K, sinh ngày 01/01/2012. Cháu K khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Hoàng Đình D có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh D, nhưng anh D không có nhà. Chị C cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại của anh D ở số 5/26/4 Q, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã ủy thác cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh thu thập chứng cứ, lấy lời khai của anh D. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã thực hiện ủy thác nhưng không có kết quả do anh D không có mặt tại địa chỉ chị C cung cấp. Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã yêu cầu chị C cung cấp địa chỉ chính xác của anh D, nhưng ngoài địa chỉ nêu trên, chị C không có địa chỉ khác để cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã nhiều lần liên lạc với anh D, yêu cầu cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại, nhưng anh D từ chối cung cấp. Tòa án xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho mẹ anh D, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng này tại UBND xã T theo quy định của pháp luật. Anh D đã được mẹ thông báo, biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và triệu tập đến Tòa án nhưng anh D không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, không đến Tòa án làm việc. Vì vậy không có lời khai của anh D và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 14/9/2022, mẹ đẻ của anh D là bà Hoàng Thị N trình bày:

Anh D và chị C kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh D và chị C chung sống hạnh phúc được 02 năm đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị C xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh D, chị C được ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị C có 01 con chung là cháu Hoàng Đức K, sinh ngày 01/01/2012. Cháu đang ở với mẹ. Bà đề nghị giao con cho chị C nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có gì.

Về thủ tục tố tụng: Anh D đi làm trong miền nam không có nhà, thỉnh thoảng mới về thăm bà, anh D không cung cấp địa chỉ nên bà không biết anh D đang làm ở đâu. Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo hòa giải bà đã nhận được và đã gọi điện thông báo cho anh D được biết, nhưng do công việc bận nên anh D không về Tòa án làm việc được. Anh D có trao đổi với bà là anh D đồng ý ly hôn, anh D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị C được ly hôn với anh Hoàng Đình D. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức K, sinh ngày 01/01/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị C và anh D là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị C và anh D đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013. Qua phần trình bày của các đương sự và xác minh tại gia đình và địa phương, xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách, quan

điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy gia đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị C xin ly hôn, anh D đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ anh D không có nguyện vọng đoàn tụ. Anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh D mâu thuẫn đã trầm K, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh D.

[4] Về con chung:

Chị C và anh D có 01 con chung là cháu Hoàng Đức K sinh ngày 01/01/2012. Chị C có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị C là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân chị C có đủ điều kiện để nuôi con. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu K ở với chị C và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị C, nên không buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị C khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị C được ly hôn anh Hoàng Đình D.

2. *Về con chung:* Chị C và anh D có 01 con chung là cháu Hoàng Đức K, sinh ngày 01/01/2012. Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đức K. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003432 ngày 06/4/2022. Chấp nhận chị C đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị C và anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã T, huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung